TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ U** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HS-ST
Ngày: 17-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ U - TỈNH Q
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Huy Hùng.
-*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Dung.
Bà Nguyễn Thị Thương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Yến- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Q tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Thị L**, tên gọi khác: Không có; sinh ngày: 11/12/1972 tại T. B. Nơi cư trú: Thôn Thống Nhất, xã Đ. T, thành phố T. B, tỉnh T. B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Tráp C (đã chết) và bà Phạm Thị C , sinh năm 1942; chồng: Nguyễn Xuân T (đã ly hôn); con: có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 07/02/2018, tạm giam đến ngày 05/3/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" hiện tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại*: Ông Trương Tiến Q, sinh năm: 1951.
Địa chỉ: Tổ 7, khu 2, phường Q. H, thành phố C, tỉnh Q.N, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2010, Vũ Thị L quen và có quan hệ tình cảm với ông Trương Tiến Q (sinh năm 1951, trú tại tổ 7, khu 2, phường Q H, thành phố P, tỉnh Q). Từ đó, thỉnh thoảng hai người có gặp gỡ và quan hệ tình dục với nhau. Khoảng tháng 01/2018, L bực tức vì ông Q không cho L vay tiền nên đã nảy sinh ý định nếu gặp thì sẽ bí mật quay lại cảnh quan hệ tình dục với ông Q để đe dọa là sẽ đăng lên mạng xã hội, buộc ông Q phải đưa tiền cho L . Tối ngày 09/01/2018, ông Q hẹn L đến nhà nghỉ B thuộc phường Q, thành phố U rồi đến lấy phòng trước. L đến sau, thấy phòng nghỉ không có chỗ để đặt điện thoại quay video nên nói là phòng không sạch sẽ cần đổi chỗ khác. Cả hai đi đến nhà nghỉ T B của bà Nguyễn Thị T ở tổ 18A, khu 6, phường Q, thành phố U thuê phòng 303. Sau khi vào phòng, ông Q đi tắm còn L ở ngoài bí mật dùng điện thoại hiệu Iphone 4 của L đặt ở đầu giường và bật chế độ camera tự động. Khi ông Q đi ra, L và ông Q đã quan hệ tình dục với nhau, điện thoại di động của L đã ghi lại được cảnh trên. Sau khi quan hệ, cả hai nằm ngủ đến khoảng 04 giờ sáng ngày 10/01/2018, thì L dậy, mang theo toàn bộ quần áo, điện thoại di động hiệu Samsung và ví tiền của ông Q . L nói dối bà T (chủ nhà nghỉ) là L có việc cần về sớm. Sau đó, L điều khiển xe mô tô của L mang theo đồ của ông Q về nhà L ở T B cất giấu.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, L dùng chiếc điện thoại vừa lấy của ông Q liên lạc vào số máy khác của ông này và nói phải chuyển cho L 5.000.000đ (năm triệu đồng) thì L sẽ trả tài sản, nếu không L sẽ làm cho ông Q mất hết danh dự. Do lo sợ nên khoảng 17 giờ cùng ngày, ông Q đã chuyển cho L số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Hôm sau, L tiếp tục lấy ảnh đại diện trên Zalo của ông Q đăng lên mạng xã hội Facebook với nội dung: "ông Q là người thành đạt nhưng lại đi chơi gái bị lột hết đồ", làm ông Q lo sợ việc L sẽ đăng video giữa L và ông Q lên mạng xã hội. Ông Q đã kể chuyện trên với bà Trần Thị L - là người làm cùng với ông Q Bà L điện thoại cho L bảo cho ông Q xin lại đồ. L đồng ý và nói ông Q chuẩn bị 16.000.000đ gặp, giao tiền thì sẽ giao đồ. Chiều ngày 13/01/2018, L mang theo tài sản của ông Q đến thành phố U hẹn gặp ông Q ở quán nước chè của bà Trịnh Thị M ở khu vực trường Trần Quốc Toản, phường Q, thành phố U. L đến quán trước, đưa túi đồ của ông Q cho bà M giữ hộ và dặn bà M khi L đi khỏi quán thì mới đưa cho ông Q . Khi gặp nhau tại quán, ông Q đã đưa cho L số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) theo yêu cầu của L . L cầm tiền rồi bỏ đi luôn. Sau đó bà M đã trả túi đồ cho ông Q . Riêng chiếc điện thoại di động, L vẫn giữ lại, không trả cho ông Q.

Ngày 16/01/2018, ông Q hẹn gặp L để xin lại điện thoại di động. Bà L cũng điện thoại cho L nói hẹn gặp để xem video và bảo L trả lại điện thoại di động cho ông Q . L đồng ý hẹn gặp ở nhà hàng Đ.H thuộc phường Q, thành phố U. Tại đây,

L cho bà L xem đoạn video trên máy điện thoại Iphone 4 của L . Sau đó L yêu cầu ông Q trả L số tiền 10.000.000đ mà ông Q vay L từ năm 2016 và 10.000.000đ là số tiền chi phí cho các lần phá thai trước đó. Ông Q đồng ý và đưa L 20.000.000đ. L trả máy điện thoại di động cho ông Q và yêu cầu ông Q viết giấy nhận nợ L số tiền 10.000.000đ.

Cùng ngày hôm đó, L đã kể cho một người đàn ông tên là T nghe việc L dùng điện thoại di động quay lại cảnh L quan hệ tình dục với ông Q và đe dọa ông Q lấy tiền. Sau khi kể chuyện, L đã cung cấp đoạn video này và số điện thoại của ông Q cho T .

Hôm sau, T liên lạc qua điện thoại với ông Q nói có video quay cảnh ông Q và L quan hệ tình dục với nhau, yêu cầu ông Q phải đưa số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) nếu không sẽ đăng lên mạng xã hội. Những ngày sau đó, T liên tục đe dọa đòi tiền nên ông Q đã gọi điện cho L hẹn gặp ở U. B. Ông Q đã đưa cho L 01 điện thoại di động Iphone 6S và lấy lại máy Iphone 4 của L , xóa hết dữ liệu trong máy, bảo L viết giấy cam đoan không làm ảnh hưởng đến ông Q nữa. Nhưng vài ngày sau T vẫn điện thoại, nhắn tin đe dọa ông Q yêu cầu ông Q phải đưa tiền. Do lo sợ nên ngày 01/02/2018, ông Q lại đến U. B gặp và đưa cho L số tiền 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) theo yêu cầu của T. Tuy nhiên, sau khi đưa cho L số tiền trên, ông Q vẫn tiếp tục bị T điện thoại, nhắn tin đe doạ phải đưa tiền tiếp, nếu không sẽ đăng video quay cảnh ông Q và L quan hệ tình dục lên mạng xã hội. Ông Q nói với T hẹn gặp vào chiều 07/02/2018 và bảo L viết giấy cam kết để đưa cho ông Q. Sau đó, L gọi điện hẹn ông Q ở cổng chợ Chiều, thành phố U để lấy tiền.

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 07/02/2018, tại cổng chợ Chiều thuộc tổ 31B, khu 9, phường Q, thành phố U, khi L vừa nhận của ông Q 10.500.000đ (mười triệu năm trăm ngàn đồng) thì bị Đội Cảnh sát hình sự - Công an thành phố U bắt quả tang. Công an đã thu giữ của L số tiền trên; ngoài ra còn thu giữ của L 01 giấy cam kết viết tay đề ngày 07/02/2018, 01 điện thoại Nokia gắn 01 sim (bút lục số 27 - 30).

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị L đã khai nhận cơ bản hành vi phạm tội nêu trên, thừa nhận đã đe doạ ông Q để chiếm đoạt 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng). Riêng với việc T đe doạ ông Q để đòi tiền, L không thừa nhận đã đồng phạm với T mà cho rằng L cũng bị T đe dọa. L khai: L quen một người có tên là T (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể). Ngày 16/01/2018, trước khi L gặp ông Q và bà L ở nhà hàng Đ. H , T đã gọi điện thuê L chở đi H. B. L thuê xe ô tô tự lái đến ngã ba Quốc lộ 10, thành phố U đón T và bạn gái của T . Trên đường đi, L kể cho T nghe việc L dùng điện thoại di động quay lại cảnh L quan hệ tình dục với ông Q và đe

dọa ông này lấy tiền. Sau đó T xin đoạn video này của L và xin số điện thoại của ông Q . Hôm sau, ông Q điện thoại cho L nói có người đàn ông gọi điện thoại đe dọa yêu cầu ông phải đưa tiền. L liên lạc theo số điện thoại ông Q cho thì nhận ra là giọng của T . T yêu cầu L đưa 10.000.000đ. Do lo sợ T sẽ đăng video lên mạng xã hội, ngày 18/01/2018, L gặp T tại ngã ba Quốc lộ 10, thành phố U, đưa cho T 10.000.000đ.

Những ngày sau đó, ông Q điện thoại nói T vẫn đe dọa đòi tiền nên L từ T B ra U gặp ông Q . Khi gặp, ông Q đưa cho L 01 điện thoại di động Iphone 6S và lấy lại máy Iphone 4 của L , xóa hết dữ liệu trong máy. Do T vẫn đe dọa ông Q nên ngày 01/02/2018, L lại gặp ông Q tại U B nhận số tiền 24.500.000đ để đưa T . L cầm tiền rồi mang bán chiếc điện thoại Iphone 6S được 8.000.000đ và hẹn gặp T ở ngã ba Y.T, thị xã Đ T đưa cho T tổng số tiền 32.500.000đ. L nói với T là L đã phải đi bán điện thoại thì T bảo một người thanh niên đi cùng với L đến quán điện thoại chuộc lại điện thoại mang về cho T . Vài ngày sau, T gọi điện cho L bảo gặp ông Q lấy 10.500.000đ đưa T thì không làm ảnh hưởng đến L và ông Q nữa. Khoảng 13 giờ ngày 07/02/2018, L gặp T và người thanh niên lần trước tại khu vực ngã ba Quốc lộ 10, thành phố U. T bảo L viết giấy cam kết để đưa cho ông Q và bảo hẹn ông Q ở ngã ba S. K. Nhưng sau đó T nói có việc phải đi đâu đó. Còn L gọi điện hẹn ông Q ở cổng chợ Chiều. Khi gặp, L đưa cho ông Q giấy cam kết và nhận của ông Q 10.500.000đ thì bị Công an bắt quả tang (bút lục số 45 - 78).

Đối với đối tượng tên T đe dọa chiếm đoạt của ông Q số tiền 35.000.000đ, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ của T , nên chưa điều tra làm rõ được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại cáo trạng số: 74/CT-VKSUB ngày 23/4/2018, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Q đã truy tố bị cáo Vũ Thị L về tội: ***"Cưỡng đoạt tài sản"***, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: - Bị cáo Vũ Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

-Bị hại ông Trương Tiến Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai trong hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo. Ông Q khai đưa cho L tổng số tiền 21.000.000đ là do L đe dọa sẽ đăng video cảnh quan hệ tình dục giữa ông và L lên mạng xã hội. Lần gặp L tại nhà hàng Đ H đưa cho L 20.000.000đ, lần đưa cho L điện thoại di động Iphone 6S là ông tự nguyện, không bị L đe dọa, ép buộc gì. Ngày 11/4/2018, L đã trả cho ông Q số tiền 21.000.000đ, ông Q không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can L . Còn việc người đàn ông xưng tên là T gọi điện, nhắn tin đe dọa và ép buộc nên ông phải

đưa tiền cho L nhiều lần song T vẫn tiếp tục đe dọa. Ông Q đề nghị điều tra, làm rõ hành vi phạm tội của T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố U giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị L phạm tội: ***"Cưỡng đoạt tài sản"*** ; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS năm 2015; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi những ngày đã tạm giam từ ngày 07/02/2018 đến ngày 05/3/2018;

-Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị HĐXX không áp dụng.

-*Về trách nhiệm dân sự*: đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thụ thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cụ thể: Bị cáo thừa nhận có nhắn tin đe dọa bị hại phải đưa tiền cho bị cáo, nếu không bị cáo sẽ tung clip quay cảnh quan hệ tình dục giữa bị cáo và bị hại lên mạng xã hội, do lo sợ, nên bị hại đã phải đưa tiền cho bị cáo nhiều lần vào các ngày 10/01/2018 bị hại đưa 5.000.000đ; ngày 13/01/2018 đưa 16.000.000đ; ngày 16/01/2018 đưa 20.000.000đ; ngày 01/02/2018 đưa 24.500.000đ; ngày 07/02/2018 đưa 10.500.000đ. Trong những lần bị hại đưa tiền trên, cá nhân bị cáo chỉ trực tiếp đe dọa lấy của bị hại 02 lần vào các ngày 10/01 và 13/01 năm 2018 với tổng số tiền 21.000.000đ, còn số tiền 20.000.000đ bị hại đưa bị cáo ngày 16/01/2018 là do bị hại trả nợ bị cáo

10.000.000đ và cho bị cáo 10.000.000đ, chứ bị cáo không đe dọa bị hại để chiếm đoạt. Với số tiền 35.000.000đ bị hại đưa bị cáo vào các ngày 01/02 và 07/02/2018 là do bị thanh niên tên T đe dọa ép bị hại và bị cáo phải đưa, nên bị cáo đã đến chỗ bị hại lấy tiền để đưa cho T , chứ bị cáo không đe dọa bị hại để lấy tiền. Tuy nhiên tất cả số tiền trên đều do bị cáo trực tiếp nhận từ bị hại. HĐXX đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/01/2018 đến ngày 07/02/2018 Vũ Thị L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hành vi cố ý cùng với một thanh niên tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã dùng thủ đoạn đe dọa, ép buộc ông Q đưa cho tổng số tiền 56.000.000đ (Trong đó L một mình cưỡng đoạt của ông Q 21.000.000đ và cùng T cưỡng đoạt của ông Q 35.000.000đ). làm nhiều lần, lần cuối cùng khi L vừa nhận 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng) của ông Q tại cổng chợ Chiều thuộc tổ 31B, khu 9, phường Q, thành phố U thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo Vũ Thị L đã cấu thành tội: ***"Cưỡng đoạt tài sản"*** theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố U truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về Hình phạt:

[3.1] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về kinh tế, tổn thất về tinh thần, làm mất uy tín danh dự của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người trưởng thành có nhận thức đầy đủ về hành vi mình thực hiện, nhưng chỉ vì lối sống buông thả, ích kỷ, thích có tiền tiêu sài, nhưng lười lao động chân chính bị cáo đã dùng thủ đoạn quay lại cảnh quan hệ tình dục giữa bị cáo với bị hại, người mà bị cáo đã quen biết nhiều năm để chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân bị cáo. Vì vậy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, lần đầu phạm tội. HĐXX sẽ xem xét cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3.3] *Về tình tiết tăng nặng*: không có.

[3.4] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho bị hại, khi phạm tội bị cáo đang mang thai, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.5] *Về hình phạt chính*: Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng

với hành vi phạm tội của bị cáo, bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa hôm nay bị hại vắng mặt, nhưng trong giai đoạn điều tra, cũng như trong đơn xin xử án vắng mặt bị hại đều khai nhận bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không còn yêu cầu gì khác, nên HĐXX không đề cập.

[5] *Về xử lý vật chứng*: 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc hiệu Iphone 4 và 01 điện thoại Nokia là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo **Vũ Thị L** phạm tội: ***"Cưỡng đoạt tài sản"***.

Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Vũ Thị L 03** (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi những ngày đã bị tạm giam từ ngày 07-02-2018 đến ngày 05-3-2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 4 và 01 điện thoại Nokia, bên trong gắn 01 sim.

(Có đặc điểm, tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Q).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Vũ Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- TAND tỉnh Q;
- Viện kiểm sát ND-TP. U;
- Công an TP U;
- Chi cục THA DS TP. U;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Huy Hùng